Chi tiết mã HS 3814.00.00

Mã HS	3814.00.00
Mô tả hàng hóa	Hỗn hợp dung môi hữu cơ và các chất pha loãng, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác; các chất tẩy sơn hoặc tẩy vecni đã pha chế
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	12/11/2026 01:00:30
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/38140000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5458
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5458
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5458
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-KH, MY)	0% (trừ KH, MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MM)	0% (trừ MM)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5316
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5277
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5277
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5277
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5277
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5277
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5277
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5321
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5321

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5321
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5321
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5321
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5321
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5319
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5319
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5319
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5319
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5319
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5319
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5321
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5283
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5279
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5279
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5279
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5279
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5279
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5279
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5288
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5288
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5288
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5288
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5288
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5288
VCFTA	2022	2022	0	VC!D5329
VCFTA	2023	2023	0	VC!E5329

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5329
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5329
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5329
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5329
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5330
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5330
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5330
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5330
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5330
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5330
AHKFTA	2022	2022	2	AKH!D5333
AHKFTA	2023	2023	1	AKH!E5333
AHKFTA	2024	2024	1	AKH!F5333
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G5333
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H5333
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5333
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D5302
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5302
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5302
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5302
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5302
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5302
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D5304
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5304
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5304
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5304

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5304
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5304
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5302
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5302
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5302
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5302
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5302
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5302
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5302
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5323
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5323
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5323
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5323
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5323
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5323
RCEP B	2022	2022	0	B!D5323
RCEP B	2023	2023	0	B!E5323
RCEP B	2024	2024	0	B!F5323
RCEP B	2025	2025	0	B!G5323
RCEP B	2026	2026	0	B!H5323
RCEP B	2027	2027	0	B!I5323
RCEP C	2022	2022	0	C!D5323
RCEP C	2023	2023	0	C!E5323
RCEP C	2024	2024	0	C!F5323
RCEP C	2025	2025	0	C!G5323
RCEP C	2026	2026	0	C!H5323

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I5323
RCEP D	2022	2022	0	D!D5323
RCEP D	2023	2023	0	D!E5323
RCEP D	2024	2024	0	D!F5323
RCEP D	2025	2025	0	D!G5323
RCEP D	2026	2026	0	D!H5323
RCEP D	2027	2027	0	D!I5323
RCEP E	2022	2022	0	E!D5326
RCEP E	2023	2023	0	E!E5326
RCEP E	2024	2024	0	E!F5326
RCEP E	2025	2025	0	E!G5326
RCEP E	2026	2026	0	E!H5326
RCEP E	2027	2027	0	E!I5326
RCEP F	2022	2022	0	F!D5323
RCEP F	2023	2023	0	F!E5323
RCEP F	2024	2024	0	F!F5323
RCEP F	2025	2025	0	F!G5323
RCEP F	2026	2026	0	F!H5323
RCEP F	2027	2027	0	F!I5323
VIFTA	2024	2024	2	VI!F4902
VIFTA	2025	2025	1	VI!G4902
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4902
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4902

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3814.00.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 3814.00.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5458), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.